| | |
|---|---|
| UBND TỈNH LÀO CAI<br>**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 465 /BC-SGD&ĐT | *Lào Cai, ngày 28 tháng 7 năm 2017* |

# BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông năm học 2016 - 2017**

Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (sau đây gọi tắt là công tác đánh giá, phân loại) trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm học 2016 - 2017 như sau:

## I. Tình hình thực hiện công tác đánh giá, phân loại

### 1. Đặc điểm, tình hình

#### *1.1. Thuận lợi*

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ của Sở Nội vụ trong công tác đánh giá, phân loại hằng năm.

Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo quyết tâm chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức và cơ sở giáo dục.

Công tác tuyên truyền được chú trọng thực hiện sâu rộng trong các đơn vị và toàn Ngành. Quy trình đánh giá, phân loại được thực hiện đảm bảo quy định, trung thực, khách quan. Kết quả đánh giá, phân loại được sử dụng gắn liền với việc bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thi đua, khen thưởng, thực hiện chế độ chính sách, … đối với đội ngũ công chức, viên chức tại cở giáo dục và trong toàn Ngành.

#### *1.2. Khó khăn*

Ngoài việc thực hiện công tác đánh giá, xếp loại theo Chuẩn và chuyên môn của giáo viên đã được cơ quan quản lý cấp trên quy định cụ thể, thì công tác đánh giá, xếp loại công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ còn thiếu cụ thể, khó thực hiện, do đó kết quả giữa các địa phương còn thiếu sự tương đồng. Mặc dù Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Sở Nội vụ dự thảo "Quy định đánh giá, xếp loại công chức, viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên" trên cơ sở cụ thể hóa các nội dung của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ để trình UBND tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đến nay dự thảo vẫn đang được cơ quan chức năng nghiên cứu, xem xét và chưa được ban hành, triển khai thực hiện chính thức.

Một số cán bộ quản lý trường học, giáo viên chưa nhận thức đúng về vị trí, vai trò của công tác đánh giá, phân xếp loại đội ngũ công chức, viên chức hằng năm trên cơ sở mối quan hệ với công tác bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, thi đua, ...

Việc phối hợp, thực hiện công tác đánh giá, xếp loại đội ngũ viên chức làm nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo từng năm học tại một số địa phương (Bảo Thắng, Sa Pa, Văn Bàn) rất hạn chế sau khi chuyển giao khối Giáo dục thường xuyên về huyện quản lý.

Khối lượng công việc tại các cơ quan quản lý giáo dục tại thời điểm cuối năm học nhiều và liên tục, nên rất khó khăn trong việc bố trí cán bộ trực tiếp tham gia các cuộc họp đánh giá, phân loại tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

**2. Công tác chỉ đạo của Sở GD&ĐT**

- Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đã xác định công tác đánh giá, xếp loại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ khi thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo tại tỉnh nhà. Việc quán triệt, đôn đốc, nhắc nhở nâng cao hiệu quả của công tác này được thực hiện thường xuyên tại các cuộc họp giao ban, đột xuất, sơ kết quý tại cơ quan và các cuộc họp giao ban, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học trong toàn Ngành.

- Kịp thời giao trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cho bộ phận thường trực tại cơ quan, trong toàn Ngành (Phòng Tổ chức cán bộ) chủ động tham mưu chỉ đạo về công tác đánh giá, phân xếp loại đội ngũ và cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo bộ phận thường trực triển khai, thực hiện công tác đánh giá, phân xếp loại theo Chương trình, kế hoạch công tác cụ thể. Đồng thời, chỉ đạo các Phòng chuyên môn, chức năng hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch triển khai công tác đánh giá, phân xếp loại cơ sở giáo dục và đội ngũ lồng ghép trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện công tác đánh giá, phân xếp loại cơ sở giáo dục và đội ngũ:

+ Công văn số 582/SGD&ĐT-TCCB ngày 18/4/2017 về đánh giá, phân loại cơ sở giáo dục, đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2016 - 2017; Quyết định số 709/QĐ-SGD&ĐT ngày 11/5/2016 ban hành quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

+ Văn bản số 75/KH-SGD&ĐT ngày 15/5/2017 về kiểm tra công tác dánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các đơn vị trực thuộc Sở GD&Đt năm học 2016 - 2017.

+ Quyết định số 1157/QĐ-SGD&ĐT ngày 29/6/2017 về thành lập Hội đồng đánh giá, phân loại cơ sở giáo dục và người đứng đầu cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GD&ĐT năm học 2016 - 2017.

- Trao đổi, hoặc tham gia các Đoàn thanh tra, kiểm tra hành chính, chuyên đề của Sở tại các Phòng Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục trực thuộc để kịp thời nắm bắt thông tin, tình hình thực hiện công tác đánh giá, phân xếp loại đội ngũ của địa phương, đơn vị. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai, thực hiện và lưu giữ hồ sơ trong công tác đánh giá, phân xếp loại tại 18 cơ sở giáo dục trực thuộc nhằm kịp thời phát hiện, nhắc nhở, điều chỉnh về những vấn đề mà cơ sở giáo dục không làm được hoặc làm chưa tốt.

- Chỉ đạo thực hiện thống nhất cách gắn kết chặt chẽ công tác đánh giá chuyên môn của giáo viên với công tác đánh giá theo Chuẩn; công tác đánh giá theo Chuẩn với công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức; công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức với công tác thi đua, khen thưởng, thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thực hiện chế độ chính sách, ... ; công tác đánh giá, phân loại cơ sở giáo dục với công tác đánh giá, phân loại người đứng đầu cơ sở giáo dục được giao phụ trách.

- Thực hiện tuyên dương, nêu gương những cơ sở giáo dục đã thực hiện tốt công tác đánh giá, phân loại trong năm học.

**3. Kết quả đạt được**

- Kết quả đánh giá, phân loại chuyên môn của giáo viên
- Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo Chuẩn
- Kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức
- Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông

*(Có các biểu đính kèm)*

**II. Nhận định chung**

**1. Những việc làm được**

- Đã tranh thủ được sự quan tâm, ủng hộ của các cấp, các Ngành, chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo toàn Ngành thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác đánh giá, phân loại theo quy định.

- Đa số cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành đã có nhận thức đúng về vai trò, ý nghĩa của công tác đánh giá, phân loại; các cơ sở giáo dục đã triển khai, thực hiện công tác đánh giá phân loại đảm bảo kế hoạch, thời gian.

- Trên 90% cơ sở giáo dục đã triển khai, thực hiện công tác đánh giá, phân loại đảm bảo kế hoạch đặt ra.

- Việc nắm bắt thông tin, kiểm tra, rà soát về tiến độ, phương thức, hiệu quả và khả năng tác động đến sự thay đổi của cơ sở giáo dục, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành được quan tâm, chú trọng.

- Kết quả đánh giá, phân loại đã phản ánh được chất lượng, hiệu quả công tác của cá nhân, tập thể và của sự nghiệp giáo dục đào tạo địa phương. Cụ thể:

+ Đánh giá, xếp loại chuyên môn giáo viên: 47,88% Giỏi; 43,72% Khá; 8,17% Trung bình; 0,23% Kém.

+ Đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo Chuẩn:

Đối với CBQL: 64,97% Xuất sắc; 32,13% Khá; 2,9% Trung bình.

Đối với Giáo viên: 45,81% Xuất sắc; 45,85% Khá; 8,06% Trung bình; 0,28% Kém.

+ Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ: 39,58% Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 48,3% Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 11,56% Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và Hoàn thành nhiệm vụ; 0,56% không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đánh giá, phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục: 47,34% Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 44,98% Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 7,52% Hoàn thành nhiệm vụ; 0,16% Không hoàn thành nhiệm vụ.

- Không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo về công tác đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong năm học.

**2. Những khó khăn, vướng mắc**

Có 02/09 trung tâm GDNN&GDTX (Bắc Hà, Văn Bàn) không thực hiện công tác đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo năm học, mà thực hiện theo năm hành chính trên cơ sở chỉ đạo của UBND huyện.

- *Trong công tác đánh giá chuyên môn giáo viên*: Vẫn còn cơ sở giáo dục đánh giá theo cảm tính, kết quả xếp loại "Giỏi" chiếm tỷ lệ khá cao (trên 47%).

- *Trong đánh giá theo Chuẩn*

+ Khi đánh giá cán bộ quản lý, các ý kiến nhận xét, đánh giá từ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên còn chưa khách quan (chỉ đánh giá về ưu điểm, né tránh phê bình), thiên về định tính (các nhận định đưa ra một cách chung chung, không cụ thể, kết quả tập thể đánh giá chưa tương xứng với hiệu quả công tác của cơ sở giáo dục), thiếu cơ sở minh chứng.

+ Khi đánh giá giáo viên, còn có hiện tượng cào bằng, bình quân chủ nghĩa; hệ thống minh chứng được sử dụng trong quá trình đánh giá còn sơ sài, hoặc không có theo yêu cầu trong phiếu đánh giá.

Ngoài ra, năng lực tổng hợp, tham mưu của bộ phận thư ký, giúp việc trong công tác đánh giá, phân loại còn rất hạn chế (điểm tổng hợp chưa chính xác, chưa tham khảo đủ ý kiến của các bộ phận liên quan, đề xuất mức phân loại chưa phù hợp với ý kiến của tập thể, ...). Do đó, kết quả đánh giá phân loại chưa đủ cơ sở để cơ quan cấp trên so sánh, đối chiếu và đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị trong cùng bậc học, cùng địa phương.

- *Trong công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ*

Có hiện tượng đồng nhất kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức với kết quả đánh giá, phân loại theo chuyên môn, theo Chuẩn và theo thi đua. Một số kết quả xếp loại dựa vào cảm tính, thiếu minh chứng tương ứng, chưa nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn.

Kết quả đánh giá công chức, viên chức, đặc biệt đối với người đứng đầu cơ sở giáo dục chưa trung thực, chính xác, hoặc chưa phù hợp với chất lượng, hiệu quả công tác được giao.

Việc ghi ý kiến đánh giá, nhận xét của Thủ trưởng đơn vị đối với từng cán bộ, công chức, viên chức còn đại khái, sơ sài, chưa rõ ràng và thiếu định hướng khắc phục. Bên cạnh đó, ý kiến đánh giá của tập thể đơn vị đối với người đứng đầu đơn vị còn thiếu khách quan, chủ yếu tập trung vào các ưu điểm.

- *Trong công tác đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục*

Một số cơ sở giáo dục chưa nhận thức đúng về vai trò của công tác đánh giá, phân loại cơ sở giáo dục trong năm học; chưa nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, do đó dẫn đến hiện tượng chấm điểm tiêu chí

không chính xác, đề xuất mức độ phân loại không phù hợp với điểm đạt được (tại các tiêu chuẩn) và kết quả công tác của đơn vị, hệ thống minh chứng không đầy đủ, minh chứng không hợp lý; công tác nộp hồ sơ, báo cáo về cơ quan quản lý cấp trên chưa được quan tâm đúng mức (còn chậm, thiếu, minh chứng quá ít hoặc không phù hợp).

**III. Nhiệm vụ, giải pháp trong năm học tiếp theo**

**1. Nhiệm vụ**

Tiếp tục quán triệt, triển khai sâu rộng mục đích, ý nghĩa, vai trò của công tác đánh giá, phân xếp loại cơ sở giáo dục và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn Ngành ngay từ đầu năm học bám sát mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo. Tăng cường thực hiện gắn kết công tác đánh giá, xếp loại chuyên môn của giáo viên với đánh giá, phân loại theo Chuẩn nghề nghiệp, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, bình xét thi đua. Đặc biệt nâng cao hiệu quả, mối liên hệ giữa việc đánh giá, phân loại người đứng đầu cơ sở giáo dục với cơ sở giáo dục theo từng năm học.

**2. Giải pháp**

(1) Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng, chính quyền địa phương đối với công tác đánh giá, phân loại đội ngũ và cơ sở giáo dục.

(2) Phát huy hiệu quả của công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tập thể, cá nhân trong nhiệm vụ tự đánh giá, tham gia đánh giá và tổ chức đánh giá, phân loại.

(3) Kịp thời kiện toàn bộ phận thường trực chịu trách nhiệm tham mưu, thực hiện công tác đánh giá, phân xếp loại cơ sở giáo dục và đội ngũ.

(4) Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện công tác đánh giá, phân xếp loại cơ sở giáo dục trực thuộc và đội ngũ theo từng năm học sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

(5) Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đánh giá, phân loại sao cho kết quả đánh giá, phân loại hằng năm đủ làm căn cứ, cơ sở để thực hiện công tác bố trí, sắp xếp, tinh giản biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, thi đua khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các năm học tiếp theo.

(6) Chú trọng, phát huy hiệu quả tính dân chủ, khách quan, khoa học, thực tiễn trong công tác đánh giá, phân loại tại các cơ sở giáo dục và trong toàn Ngành.

(7) Chú trọng công tác lưu giữ hồ sơ và kiểm soát hiệu quả của công tác đánh giá, phân xếp loại đội ngũ tại đơn vị.

(8) Nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra và công tác khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kết luận thanh tra, kiểm tra.

**IV. Các đề xuất, kiến nghị**

1. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Sớm ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp mới (theo hướng tinh gọn hơn).

- Có quy định thống nhất trong toàn Ngành về những đối tượng không thực hiện đánh giá, xếp loại hàng năm.

- Có định hướng chỉ đạo cụ thể hơn trong toàn Ngành về vấn đề "sáng kiến" hằng năm của công chức, viên chức khi thực hiện công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng.

2. Đối với UBND tỉnh Lào Cai

- Quan tâm, tạo điều kiện và kịp thời ban hành "Quy định đánh giá, xếp loại công chức, viên chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai" trên cơ sở Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ để kịp thời thực hiện thống nhất tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh ngay từ đầu năm học 2017 - 2018./.

***Nơi nhận:***
- Vụ TCCB - Bộ GDĐT;
- Cục NGCBQLGD;
- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT huyện, TP;
- Đơn vị trực thuộc Sở;
- Trung tâm DN&GDTX;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**Nguyễn Anh Ninh**

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ
## ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2016 - 2017

*(Kèm theo Báo cáo số 465/BC-SGD&ĐT ngày 28/7/2017 của Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai)*

## A. ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THEO CHUẨN

### I. ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN

1. KẾT QUẢ XẾP LOẠI CỦA HIỆU TRƯỞNG

1.1. Tổng số giáo viên được Hiệu trưởng đánh giá: 14.532 người.

1.2. Phân loại số giáo viên được đánh giá

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | XUẤT SẮC | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | KÉM | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 1893 | 49.89 | 1614 | 39.83 | 379 | 9.96 | 12 | 0.32 |
| Tiểu học | 2832 | 48.54 | 2398 | 41.17 | 572 | 9.89 | 23 | 0.40 |
| THCS | 1591 | 47.58 | 1658 | 48.77 | 116 | 3.55 | 3 | 0.09 |
| THPT | 309 | 22.1 | 950 | 72.1 | 69 | 5.6 | 3 | 0.2 |
| | 32 | 29.1 | 43 | 39.1 | 35 | 31.8 | | 0.0 |
| *Tổng số* | **6657** | 45.81 | **6663** | 45.85 | **1171** | 8.06 | **41** | 0.28 |
| | *14.532 (MN: 3898; TH: 5825; THCS: 3368; THPT: 1331; TT GDTX: 110)* | | | | | | | |

1.3. Phân loại giáo viên chưa đạt Chuẩn - loại kém

1.3.1. Mầm non và Tiểu học

| BẬC HỌC | LĨNH VỰC XẾP LOẠI KÉM | | | | | | | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | LĨNH VỰC I: PHẨM CHẤT CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG | | LĨNH VỰC II: KIẾN THỨC | | LĨNH VỰC III: KĨ NĂNG SƯ PHẠM | | VI PHẠM KHÁC | | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | |
| Mầm non | 1 | 0,026 | 4 | 0,103 | 10 | 0,257 | | | |
| Tiểu học | 4 | 0,067 | 14 | 0,24 | 12 | 0,206 | 1 | 0,017 | |
| *Tổng số* | *5* | *0,051* | *18* | *0,185* | *22* | *0,226* | *1* | *0,01* | |

1.3.2.Trung học và Giáo dục thường xuyên

| CẤP HỌC | TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI KÉM | | | | | | | | | | | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Tiêu chuẩn 1.** Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 2.** Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 3.** Năng lực dạy học có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 4.** Năng lực giáo dục có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 5.** Năng lực hoạt động chính trị xã hội có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 6.** Năng lực phát triển nghề nghiệp có tiêu chí không được cho điểm | | |
| | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | |
| THCS | | | 3 | 0,089 | | | | | | | | | |
| THPT | | | 3 | 0,225 | 1 | 0,075 | | | | | | | |
| *Tổng* | | | *6* | *0,128* | *1* | *0,021* | | | | | | | |

2. TỰ XẾP LOẠI CỦA GIÁO VIÊN

2.1. Tổng số giáo viên tự đánh giá: 14.532 người.

2.2. Phân loại kết quả tự đánh giá của giáo viên

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | XUẤT SẮC | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | KÉM | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 1597 | 40.97 | 1878 | 48.18 | 413 | 10.60 | 10 | 0.26 |
| Tiểu học | 2434 | 41.79 | 2922 | 50.16 | 457 | 7.85 | 12 | 0.21 |
| THCS | 1378 | 40.91 | 1894 | 56.24 | 93 | 2.76 | 3 | 0.09 |
| THPT | 264 | 19.83 | 996 | 74.83 | 70 | 5.26 | 1 | 0.08 |
| GDTX | 24 | 21.8 | 68 | 61.8 | 18 | 16.4 | | 0.0 |
| *Tổng số* | **5697** | 39.2 | **7758** | 53.4 | **1051** | 7.2 | **26** | 0.2 |
| | *14.532 (MN: 3898; TH: 5825; THCS: 3368; THPT: 1331; TT GDTX: 110)* | | | | | | | |

2.3. Phân loại giáo viên chưa đạt Chuẩn - loại kém

2.3.1. Mầm non và Tiểu học

| BẬC HỌC | LĨNH VỰC XẾP LOẠI KÉM | | | | | | | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | LĨNH VỰC I: Phẩm chất chính trị đạo đức lối sống | | LĨNH VỰC II: Kiến thức | | LĨNH VỰC III: Kỹ năng sư phạm | | VI PHẠM KHÁC | | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | |
| Mầm non | | | 6 | 0,154 | 8 | 0,205 | | | |
| Tiểu học | | | 7 | 0,12 | 11 | 0,189 | | | |
| *Tổng số* | | | *13* | *0,134* | *19* | *0,195* | | | |

2.3.2. Trung học và Giáo dục thường xuyên

| CẤP HỌC | TIÊU CHUẨN XẾP LOẠI KÉM | | | | | | | | | | | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Tiêu chuẩn 1.** Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 2.** Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 3.** Năng lực dạy học có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 4.** Năng lực giáo dục có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 5.** Năng lực hoạt động chính trị xã hội có tiêu chí không được cho điểm | | **Tiêu chuẩn 6.** Năng lực phát triển nghề nghiệp có tiêu chí không được cho điểm | | |
| | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | SL | Tỷ lệ (%) | |
| THCS | | | 1 | 0,03 | 3 | 0,89 | 1 | 0,03 | | | | | |
| THPT | | | | | 1 | 0,075 | | | | | | | |
| *Tổng* | | | *1* | *0,02* | *4* | *0,085* | *1* | *0,02* | | | | | |

## II. ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. KẾT QUẢ XẾP LOẠI ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ

1.1. Tổng số CBQL được đánh giá: 1519 người.

Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và Giám đốc trung tâm (gọi tắt là cấp trưởng): 627 người.

Phó Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và Phó Giám đốc trung tâm GDTX (gọi tắt là cấp Phó): 892 người.

1.2. Phân loại số CBQL được đánh giá

1.2.1. Đối với cấp trưởng

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | XUẤT SẮC | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | KÉM | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 113 | 61.41 | 64 | 34.78 | 7 | 3.80 | 0 | |
| Tiểu học | 118 | 53.39 | 94 | 42.53 | 9 | 4.07 | 0 | |
| THCS | 84 | 45.41 | 92 | 49.73 | 9 | 4.86 | 0 | |
| THPT | 11 | 29.73 | 19 | 51.35 | 7 | 18.92 | 0 | |
| *Tổng số* | **326** | 51.994 | **269** | 42.903 | **32** | 5.104 | 0 | 0 |
| | *627 (MN: 184; TH: 221; THCS: 185; THPT: 37)* | | | | | | | |

1.2.2. Đối với cấp phó

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | XUẤT SẮC | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | KÉM | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 229 | 67.16 | 47 | 13.78 | 3 | 0.88 | 0 | |
| Tiểu học | 239 | 71.34 | 62 | 18.51 | 6 | 1.79 | 0 | |
| THCS | 152 | 61.79 | 70 | 28.46 | 2 | 0.81 | 0 | |
| THPT | 41 | 46.59 | 40 | 45.45 | 1 | 1.14 | 0 | |
| *Tổng số* | **661** | 74.103 | **219** | 24.552 | **12** | 1.345 | **0** | |
| | *892 (MN: 341; TH: 335; THCS: 246; THPT: 88)* | | | | | | | |

2. KẾT QUẢ TỰ XẾP LOẠI CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ

2.1. Tổng số CBQL tự đánh giá: 1519 người.

Cấp trưởng: 627 người.

Cấp Phó: 892 người.

2.2. Phân loại số CBQL tự đánh giá

2.2.1. Đối với cấp trưởng

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | XUẤT SẮC | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | KÉM | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 125 | 67.93 | 55 | 29.89 | 3 | 1.63 | 1 | 0.54 |
| Tiểu học | 162 | 73.30 | 61 | 27.60 | 1 | 0.45 | 0 | 0.00 |
| THCS | 116 | 62.70 | 66 | 35.68 | 3 | 1.62 | 0 | 0.00 |
| THPT | 8 | 21.62 | 28 | 75.68 | 1 | 2.70 | 0 | 0.00 |
| *Tổng số* | **411** | 65.238 | **210** | 33.333 | **8** | 1.270 | **1** | 0.159 |
| | *627 (MN: 184; TH: 221; THCS: 185; THPT: 37)* | | | | | | | |

2.2.2. Đối với cấp phó

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | XUẤT SẮC | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | KÉM | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 198 | 58.06 | 77 | 22.58 | 4 | 1.17 | 0 | |
| Tiểu học | 202 | 60.30 | 100 | 29.85 | 5 | 1.49 | 0 | |
| THCS | 125 | 50.81 | 97 | 39.43 | 2 | 0.81 | 0 | |
| THPT | 16 | 18.18 | 63 | 71.59 | 3 | 3.41 | 0 | |
| *Tổng số* | **541** | 60.650 | **337** | 37.780 | **14** | 1.570 | **0** | |
| | *892 (MN: 341; TH: 335; THCS: 246; THPT: 88)* | | | | | | | |

## B. ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | GIỎI | | KHÁ | | TRUNG BÌNH | | KÉM | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 1945 | 49.90 | 1543 | 39.6 | 398 | 10.2 | 12 | 0.3 |
| Tiểu học | 3084 | 52.94 | 2195 | 37.7 | 532 | 9.1 | 14 | 0.2 |
| THCS | 1582 | 46.97 | 1650 | 49.0 | 132 | 3.9 | 4 | 0.1 |
| THPT | 319 | 23.97 | 903 | 67.8 | 106 | 8.0 | 3 | 0.2 |
| GDTX | 28 | 25.455 | 63 | 57.273 | 19 | 17.273 | | 0.00 |
| *Tổng số* | **6958** | 47.881 | **6354** | 43.724 | **1187** | 8.168 | **33** | 0.23 |
| | *14.532 (MN: 3898; TH: 5825; THCS: 3368; THPT: 1331; TT GDTX 110)* | | | | | | | |

## C. ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ | | HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ | | HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ | | KHÔNG HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 2148 | 44.289 | 2041 | 42.082 | 629 | 12.969 | 32 | **0.66** |
| Tiểu học | 2848 | 40.662 | 3190 | 45.545 | 929 | 13.264 | 37 | **0.53** |
| THCS | 1899 | 42.521 | 2209 | 49.463 | 332 | 7.434 | 26 | **0.58** |
| THPT | 267 | 15.034 | 1301 | 73.255 | 202 | 11.374 | 6 | **0.34** |
| GDTX | 24 | 21.818 | 66 | 60.000 | 20 | 18.182 | 0 | **0.00** |
| *Tổng số* | 7162 | 39.578 | 8741 | 48.303 | 2092 | 11.561 | 101 | **0.56** |
| | *18.096 (MN: 4850; TH: 7004; THCS: 4466; THPT: 1776; TTGDTX: 110)* | | | | | | | |

## D. ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC

| BẬC HỌC | KẾT QUẢ XẾP LOẠI | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ | | HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ | | HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ | | KHÔNG HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ | |
| | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
| Mầm non | 100 | 52.63 | 80 | 42.11 | 9 | 4.74 | 1 | 0.53 |
| Tiểu học | 107 | 48.20 | 96 | 43.24 | 19 | 8.56 | 0 | 0.00 |
| THCS | 84 | 44.44 | 92 | 48.68 | 13 | 6.88 | 0 | 0.00 |
| THPT | 11 | 29.73 | 19 | 51.35 | 7 | 18.92 | 0 | 0.00 |
| *Tổng số* | **302** | **47.34** | **287** | **44.98** | **48** | **7.52** | **1** | **0.16** |
| | *638 (MN: 190; TH: 222; THCS; 189; THPT: 37)* | | | | | | | |